

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC



**PHẠM QUANG DŨNG**

**QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG  
THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC  
TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**MÃ SỐ: 9.14.01.14**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**HÀ NỘI - 2024**

*Công trình được hoàn thành tại:*

**HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**Người hướng dẫn khoa học:**      **1. PGS.TS. TRẦN THỊ TUYẾT OANH**  
**2. TS. TRỊNH VĂN CƯỜNG**

*Phản biện 1:* PGS. TS. Nguyễn Thị Tính

*Phản biện 2:* PGS.TS. Phạm Văn Thuận

*Phản biện 3:* PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn

**Luận án được bảo vệ tại hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ**

**hợp tại Học viện Quản lý giáo dục**

*Vào hồi 14 giờ 00 ngày 29 tháng 3 năm 2024*

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin thư viện Học viện Quản lý Giáo dục

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo tiếp cận năng lực đóng vai trò cốt lõi trong việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiếp cận này không chỉ nhấn mạnh vào việc truyền đạt kiến thức lý luận, mà còn tập trung vào việc phát triển kỹ năng thực hành, giải quyết vấn đề, và tư duy sáng tạo, từ đó hỗ trợ SV thích nghi nhanh chóng với môi trường làm việc thực tế. Sự phát triển của ngành Logistics và QLCCU trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế yêu cầu một nguồn nhân lực có kiến thức sâu rộng và kỹ năng thực hành mạnh mẽ. Điều này đặt ra nhu cầu cao đối với các CTĐT ở bậc đại học, yêu cầu không chỉ cung cấp kiến thức cập nhật mà còn phải đảm bảo SV có khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Do đó, việc tích hợp các phương pháp giáo dục hiện đại, như học tập dựa trên dự án, thực hành, thực tập, hợp tác với doanh nghiệp và sử dụng CNTT, là các yếu tố then chốt trong việc phát triển năng lực của SV. Hơn nữa, việc đào tạo theo TCNL còn hỗ trợ SV phát triển kỹ năng mềm, như làm việc nhóm, giao tiếp,... điều này không chỉ giúp tăng cường kỹ năng cho SV mà còn quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của các tổ chức trong thời đại toàn cầu hóa. Sự linh hoạt và khả năng thích ứng của nguồn nhân lực đào tạo theo TCNL là yếu tố quyết định trong việc đáp ứng các thách thức của môi trường kinh doanh đang không ngừng thay đổi.

Trong quá trình hội nhập kinh tế toàn diện, lĩnh vực Logistics và QLCCU đang ngày càng chiếm ưu thế, đóng vai trò chủ chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. Ngành Logistics và QLCCU ngày càng trở nên quan trọng, tạo nên một hệ thống vận hành liền mạch cho thị trường toàn cầu. Mặc dù là một ngành mới nhưng đang phát triển nhanh chóng, với sự hỗ trợ từ các chính sách ưu đãi của chính phủ và lợi thế vị trí địa lý chiến lược. Trong quá trình này, các trường đại học và các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực để phù hợp với xu hướng và nhu cầu thị trường hiện nay. Quyết định số 1841/QĐ-BGTVT, ký ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, công bố Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ, nỗ lực tăng cường việc đào tạo ngành Logistics ở các cấp đại học, nghề và các hình thức tổ chức đào tạo khác, đã trở thành một trong những ưu tiên hàng đầu. Mục tiêu này nhằm cải thiện nhận thức và chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu của xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Quản lý đào tạo đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học sẽ tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng trình độ cao cho lĩnh vực này. Do đó đòi hỏi các trường cần tập trung nâng cao chất lượng đào tạo. Xây dựng, phát triển CTĐT cần phải dựa trên sự phân tích kỹ lưỡng về nhu cầu thực tế của thị trường lao động và xu hướng phát triển toàn cầu của ngành. Điều này đòi hỏi việc tích hợp các kiến thức lý thuyết cập nhật và kỹ năng thực hành chuyên sâu, nhằm trang bị cho SV những công cụ cần thiết để SV có thể nhanh chóng thích nghi và phát triển trong môi trường làm việc hiện đại và đa dạng. Mỗi quan hệ chặt chẽ giữa các trường đại học và doanh nghiệp trong ngành cũng là yếu tố then chốt để đảm bảo tính thực tiễn của CTĐT. Sự hợp tác này không chỉ mang lại cơ hội thực tập và học hỏi từ thực tiễn cho SV, mà còn giúp CTĐT phản ánh

chính xác nhu cầu và thách thức của ngành. Bên cạnh đó, việc áp dụng công nghệ và phương pháp giảng dạy mới nhất là cần thiết đảm bảo SV được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết đối với ngành đang thích nghi theo sự thay đổi cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Sự phát triển chóng mặt trong CNTT và tự động hóa đã thay đổi cách thức hoạt động của ngành logistics, và nội dung này cần được phản ánh trong nội dung giảng dạy. Đánh giá và cải tiến liên tục cũng là một phần quan trọng của quản lý đào tạo. Điều này bao gồm việc đánh giá chất lượng đào tạo dựa trên kết quả học tập của SV và phản hồi từ các bên liên quan, nhằm đảm bảo CTĐT liên tục được cập nhật và cải thiện. Hoạt động phát triển năng lực của GV cũng cần được chú trọng, đảm bảo rằng SV có kiến thức và kỹ năng cần thiết để truyền đạt hiệu quả và hỗ trợ SV trong quá trình học tập.

Tuy nhiên, việc quản lý đào tạo ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học hiện tại vẫn còn một số hạn chế, bao gồm việc tập trung quá mức vào số lượng, dẫn đến việc những người được đào tạo chưa đủ kiến thức, kỹ năng và tư duy để hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực Logistics và QLCCU: CTĐT lạc hậu, thiếu cập nhật với xu hướng mới nhất của ngành, quá trình đánh giá và cải tiến CTĐT thiếu hệ thống và không thường xuyên, làm giảm khả năng đáp ứng nhanh chóng với nhu cầu của thị trường; liên kết với doanh nghiệp còn yếu làm giảm cơ hội thực tập và áp dụng kiến thức vào thực tiễn cho SV; hạn chế trong việc tích hợp công nghệ và phương pháp giảng dạy hiện đại; phát triển năng lực GV chưa được chú trọng. Điều này đã dẫn đến sự phân kỳ ngày càng rõ rệt giữa cung và cầu về nguồn nhân lực Logistics và QLCCU trên thị trường, đặc biệt là trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại các trường đại học.

Do đó tác giả chọn đề tài ***“Quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam”*** để nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học cho ngành Logistics và QLCCU đồng thời đáp ứng được nguồn nhân lực theo TCNL cho thị trường lao động trong bối cảnh nền kinh tế xã hội phát triển hiện nay.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL, luận án đề xuất các giải pháp quản lý cần thiết, khả thi phù hợp với ngành đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học Việt Nam hiện nay.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

Hoạt động đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU ở các trường đại học.

### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường Đại học Việt Nam.

## **4. Câu hỏi nghiên cứu**

4.1. Đào tạo và quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam được xác định dựa trên cơ sở lý luận nào?

4.2. Hiện nay quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học Việt Nam có những bất cập gì? Nguyên nhân của những bất cập trong quản

lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam?

4.3. Giải pháp quản lý nào sẽ khắc phục được những bất cập, hạn chế đó để nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam?

## **5. Giả thuyết khoa học**

Hiện nay đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU đang được nhiều trường đại học triển khai đào tạo với quy mô ngày càng tăng về số lượng. Tuy nhiên quản lý đào tạo ngành Logistics và QLCCU đang tồn tại nhiều hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của nhà trường, do đó chưa đáp ứng tốt yêu cầu việc làm của thị trường lao động. Nếu đề xuất và thực hiện đồng bộ các giải pháp, tập trung vào: chỉ đạo điều chỉnh CTĐT theo hướng phát triển năng lực người học, xây dựng khung năng lực của SV tốt nghiệp, tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ GV về dạy học theo hướng phát triển năng lực người học. Đồng thời, chú trọng tới hoạt động thực tập tốt nghiệp và lấy thông tin phản hồi sau tốt nghiệp của SV thì sẽ nâng cao được chất lượng và hiệu quả đào tạo ngành Logistics và QLCCU.

## **6. Nhiệm vụ nghiên cứu**

6.1. Xây dựng cơ sở lý luận về quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL.

6.2. Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam.

6.3. Đề xuất các giải pháp quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam.

6.4. Tổ chức khảo nghiệm mức độ cấp thiết và khả thi của các giải pháp đề xuất và thử nghiệm giải pháp.

## **7. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu**

- Đề tài luận án tập trung nghiên cứu quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU dựa trên tiếp cận quản lý theo quá trình và đề xuất các giải pháp của trường đại học trong quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam.

- Địa bàn nghiên cứu khảo sát thực trạng được thực hiện tại 05 trường đại học Việt Nam có đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU.

- Đối tượng khảo sát: CBQL, GV, SV, SV tốt nghiệp của các trường đại học được khảo sát và nhà tuyển dụng.

## **8. Luận điểm bảo vệ**

8.1. Đào tạo theo TCNL là xu hướng đào tạo trên thế giới và cũng là yêu cầu đặt ra cho GD&ĐT ở Việt Nam. Xây dựng lý thuyết về quản lý đào tạo đại học ngành Logistics và QLCCU cần dựa trên lý thuyết về đào tạo theo TCNL, dựa vào đặc trưng của đào tạo đại học ngành Logistics và QLCCU để đảm bảo cho nguồn nhân lực được đào tạo đáp ứng yêu cầu của ngành Logistics và QLCCU.

8.2. Vận dụng các thành tố của mô hình quản lý theo quá trình vào quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU là phù hợp để nâng cao chất lượng và hiệu

quá đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học Việt Nam.

8.3. Các giải pháp quản lý đào tạo ngành Logistics và QLCCU theo TCNL cần tập trung xác định được khung năng lực cần phát triển cho SV trong quá trình đào tạo và các biện pháp quản lý tác động vào các thành tố được coi là đang bất cập trong từng khâu của quá trình đào tạo để đảm bảo cho sản phẩm đào tạo có đủ năng lực với yêu cầu nhân lực của ngành Logistics và QLCCU.

## **9. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu sau để thực hiện nghiên cứu:

### **9.1. Các tiếp cận nghiên cứu**

#### *9.1.1. Tiếp cận hệ thống*

Quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL ở các trường đại học Việt Nam bao gồm các thành tố có mối liên hệ và quan hệ với nhau. Nếu một thành tố trong cấu trúc hệ thống không hiệu quả thì cả hệ thống cũng không thể có kết quả. Luận án sử dụng tiếp cận hệ thống trong việc phân tích đánh giá các khâu của quá trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học Việt Nam, xem xét mối quan hệ giữa các khâu đó để tạo ra một chỉnh thể thống nhất của quá trình đào tạo; đồng thời xem xét các tác động quản lý đến các khâu của quá trình đào tạo nhằm tạo ra chất lượng đào tạo.

#### *9.1.2. Tiếp cận năng lực*

Nghiên cứu quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU ở các trường đại học phải dựa trên quan điểm phát triển năng lực cho người học. TCNL để xác định khung năng lực cho người học cần có. Đây là cơ sở lí luận để xác định rõ các năng lực chung và năng lực đặc thù của từng người học. Do đó, các biện pháp đề xuất thực hiện trong quản lý đào tạo không chỉ nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra mà quan trọng nhất là thực hiện được mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất, nhân cách, rèn luyện kỹ năng vận dụng tri thức trong thực tiễn nhằm chuẩn bị cho người học năng lực giải quyết các tình huống của thực tiễn và các yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

#### *9.1.3. Tiếp cận quá trình*

Hoạt động đào tạo nói chung và quản lý đào tạo nói riêng là một hệ thống với các thành phần cấu trúc chặt chẽ và được thực hiện theo một quy trình nhất định. Tiếp cận quá trình là việc xem xét các thành phần để nhận biết thứ tự và mối quan hệ tương hỗ giữa chúng. Từ đó tiếp cận quá trình trong nghiên cứu quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học Việt Nam là việc xác định rõ các thành tố của quá trình đào tạo (từ khởi đầu đến khi kết thúc) để tìm cách quản lý sự vận hành của các thành tố đó.

#### *9.1.4. Tiếp cận chức năng quản lý*

Luận án sử dụng tiếp cận chức năng quản lý để nghiên cứu chức năng của Hiệu trưởng và của các chủ thể quản lý khác trong đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học Việt Nam nhằm xác định đúng các công việc họ phải làm trong quản lý đào tạo thông qua việc thực hiện tốt các chức năng của quản lý giáo dục (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá), cũng như các yêu cầu thực hiện trong điều kiện bối cảnh đổi mới giáo dục; làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng cũng như đề xuất

kế hoạch, giải pháp cải thiện chất lượng thực hiện các công việc.

#### *9.1.5. Tiếp cận chuẩn đầu ra*

Mục tiêu cuối cùng của quá trình đào tạo theo TCNL là đạt được chuẩn đầu ra đã xác định. Việc đào tạo trong lĩnh vực Logistics và QLCCU cần phải thay đổi hướng tiếp cận từ việc tập trung vào nội dung sang việc tập trung vào mục tiêu, với mục đích chính là phát triển kỹ năng cần thiết cho SV. Như vậy, sau khi hoàn thành khóa đào tạo, SV sẽ có khả năng thực hiện các nhiệm vụ tại vị trí công việc của mình một cách chuyên nghiệp và dễ dàng tìm kiếm cơ hội việc làm.

### **9.2. Các phương pháp nghiên cứu**

Luận án sẽ sử dụng chủ yếu các phương pháp nghiên cứu sau để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra:

#### *9.2.1 Các phương pháp nghiên cứu lí luận*

Nghiên cứu các công trình khoa học về đào tạo, quản lý đào tạo và các tài liệu khoa học khác có liên quan đến nội dung nghiên cứu đề tài.

Nghiên cứu các văn bản về quan điểm, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành về phát triển ngành Logistics và QLCCU; nghiên cứu Điều lệ, văn bản quy phạm về GD đào tạo, quy chế đào tạo có liên quan đến đề tài..

Đọc, hệ thống hóa, phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa và vận dụng vào việc xây dựng cơ sở lý luận của luận án.

#### *9.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

##### *\* Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:*

Mục tiêu của phương pháp nhằm thu thập số liệu thực trạng mang tính định lượng trên diện rộng để đưa ra bức tranh toàn cảnh về thực trạng quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học thuộc phạm vi khảo sát.

Nội dung phương pháp: Xây dựng các bảng điều tra phù hợp với nội dung đề tài luận án, thống kê, phân tích các dữ liệu để có những nhận xét, đánh giá chính xác về đào tạo và quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU, đánh giá tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp đề xuất. Các phiếu hỏi được thiết kế với các câu hỏi nhiều lựa chọn về các mức độ thực hiện hay mức độ phù hợp/cần thiết của các nội dung đề người được hỏi sẽ lựa chọn phương án thích hợp để trả lời. Mỗi mức độ được gán với một điểm số tương ứng. Kết quả sẽ được tính bằng điểm trung bình và định khoảng để xác định mức độ đánh giá chung.

Phiếu khảo sát dành cho các đối tượng: CBQL nhà trường, GV, SV, SV tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

Nội dung phiếu khảo sát bao quát các vấn đề về thực trạng đào tạo, thực trạng quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU.

Sử dụng bảng được xây dựng điều tra dành cho các nhóm đối tượng (CBQL nhà trường, GV, SV, SV tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động) để tìm hiểu về thực trạng quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường được khảo sát.

##### *\* Phương pháp quan sát:*

Mục tiêu của phương pháp là thu thập các tư liệu bổ sung cho các phương pháp khác để đưa ra những nhận xét đánh giá về thực trạng.

Nội dung phương pháp: Quan sát CSVC thực tế của các trường (khuôn viên, cảnh quan, ...); quan sát từ website, Fanpage giới thiệu các cơ sở đào tạo, ngành nghề; quan sát việc thực hiện các khâu trong các quy trình đào tạo: tổ chức lớp học, tổ chức hoạt động công tác SV...

*\* Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động:*

Mục tiêu của phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động nhằm thu thập các minh chứng xác thực về thực trạng để có thể đưa ra các nhận xét, kết luận xác thực về vấn đề nghiên cứu.

Nghiên cứu tất cả các sản phẩm của hoạt động đào tạo và hoạt động quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU.

Các sản phẩm được nghiên cứu gồm CTĐT trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU, kế hoạch đào tạo, đề án tuyển sinh, các quy định về đào tạo của các trường đại học, ba công khai, ...

*\* Phương pháp thử nghiệm:*

Tiến hành thử nghiệm một phần của 01 giải pháp đề xuất để minh chứng cho tính cần thiết, khả thi, tính thực tiễn của giải pháp và tính đúng đắn của giả thuyết khoa học được đề ra.

*\* Phương pháp chuyên gia:*

Thông qua hình thức trực tiếp hoặc bằng phiếu hỏi thăm dò ý kiến các nhà khoa học trong lĩnh vực quản lý giáo dục; chuyên gia, CBQL ở Bộ ngành liên quan; lãnh đạo, CBQL các trường đại học đào tạo ngành Logistics và QLCCU; lãnh đạo quản lý các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Logistics về tính thực tiễn và tính khả thi của các giải pháp được đề xuất.

### 9.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Mục tiêu của phương pháp nhằm xử lý và phân tích các số liệu, thông tin đã thu thập được phục vụ cho việc đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU.

Nội dung của phương pháp: Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học: sử dụng các phương pháp thống kê để xử lý phân tích số liệu, thông qua phần mềm thống kê SPSS để tìm ra những đặc điểm của dãy số liệu, các quy luật và các kết quả nhằm phân tích và đánh giá một cách chính xác, khoa học và khách quan thực trạng quản lý của trường, các ý kiến đánh giá kết quả cũng như áp dụng phương pháp này cho nhiều mục đích khác của luận án.

## 10. Đóng góp mới của luận án

### 10.1. Về lý luận

Luận án bổ sung, luận giải làm sâu sắc hơn cơ sở lý luận về đào tạo và quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam. Chỉ ra và phân tích được các đặc trưng của đào tạo ngành Logistics và QLCCU, xác định được các yêu cầu đối với đào tạo ngành Logistics và QLCCU theo TCNL, hoàn thiện khung năng lực của SV ngành Logistics và QLCCU theo TCNL đồng thời xác định các



nội dung của quản lý đào tạo ngành Logistics và QLCCU theo TCNL dựa trên các khâu của quá trình đào tạo.

## **10.2. Về thực tiễn**

Luận án đã đánh giá được thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam. Nhận diện được những điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân hạn chế bất cập trong quản lý đào tạo. Làm căn cứ cho việc đề xuất giải pháp trong quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL, giúp cho các nhà quản lý giáo dục có cơ sở xây dựng giải pháp chiến lược cho các trường đại học có đào tạo ngành Logistics và QLCCU trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

## **11. Cấu trúc luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Khuyến nghị, Danh mục tài liệu tham khảo và các Phụ lục, luận án được trình bày trong 03 Chương:

**Chương 1.** Cơ sở lý luận về quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL.

**Chương 2.** Cơ sở thực tiễn quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam.

**Chương 3.** Giải pháp quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam.

# **CHƯƠNG 1**

## **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC**

### **1.1. Tổng quan nghiên cứu**

*1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đào tạo theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học*

*1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý đào tạo theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học*

*1.1.3. Nhận xét chung về các hướng nghiên cứu liên quan đến luận án và vấn đề luận án sẽ tập trung giải quyết*

*1.1.3.1. Những vấn đề liên quan đến đề tài luận án đã được giải quyết*

Dựa trên tổng quan các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước có liên quan đề tài, tác giả rút ra một số vấn đề cơ bản sau: Thứ nhất, việc nghiên cứu TCNL trong đào tạo đại học đã nhận được sự quan tâm toàn cầu, đặc biệt vào cuối thế kỷ 20, khi giáo dục gặp cơ hội và thách thức từ toàn cầu hóa. Thứ hai, tại Việt Nam, các nghiên cứu đã xây dựng khái niệm về đào tạo theo TCNL tại các trường đại học, cũng như nhận diện thách thức, cơ hội và yêu cầu cho sự cải tiến giáo dục đại học. Thứ ba, dù đào tạo theo TCNL không mới mẻ trên thế giới và đã được áp dụng hiệu quả, tại Việt Nam, lượng nghiên cứu về nó còn hạn chế và chưa hệ thống. Thứ tư, trong những năm gần đây, việc nghiên cứu về quản lý đào tạo theo TCNL tại các trường đại học được đánh giá cao. Những nghiên cứu này đều xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn và chỉ báo cụ thể, đánh giá tình hình hiện tại của việc quản lý đào tạo theo TCNL, và đề xuất cách tiếp cận mới. Các công trình nghiên cứu được các tác giả tập trung ở một số ngành nghề: sư phạm, an toàn thông tin, các ngành công

nghe kỹ thuật, điện công nghiệp, ...

#### ***1.1.3.2. Những vấn đề luận án sẽ tập trung giải quyết***

Tác giả nhận thấy rằng việc đào tạo và quản lý đào tạo ngành Logistics và QLCCU theo TCNL là một yêu cầu cần thiết và quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học Việt Nam hiện nay.

### **1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài**

#### ***1.2.1. Tiếp cận năng lực***

Tiếp cận năng lực là sự vận dụng phương thức đào tạo lấy năng lực làm cơ sở nhằm hình thành các năng lực nghề nghiệp để có thể thực hiện được các công việc mà thị trường lao động yêu cầu.

#### ***1.2.2. Đào tạo theo tiếp cận năng lực***

Đào tạo theo TCNL là hoạt động giúp người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng, thái độ, đồng thời giúp người học bổ sung, phát triển những năng lực đáp ứng được yêu cầu công việc của lao động nghề nghiệp.

#### ***1.2.3. Quản lý đào tạo theo tiếp cận năng lực***

Quản lý đào tạo theo TCNL là quá trình thực hiện các hoạt động quản lý trong đào tạo nhằm hình thành nên năng lực cho người học để người học hoàn thành những nhiệm vụ và công việc đạt chuẩn quy định trong những điều kiện nhất định.

#### ***1.2.4. Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Logistics và QLCCU là ngành nghiên cứu, phát triển và quản lý các dịch vụ vận chuyển trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Bao gồm việc lên kế hoạch, áp dụng và kiểm soát các luồng hàng hóa, cũng như quản lý nguồn nguyên liệu và sản phẩm cuối cùng từ điểm bắt đầu đến điểm tiêu thụ.

### **1.3. Đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực**

#### ***1.3.1. Đặc trưng đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Đào tạo ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học tập trung vào việc trang bị cho SV kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc trong ngành. Đào tạo ngành Logistics và QLCCU giúp SV sau khi tốt nghiệp không chỉ là những người biết quản lý mà còn là những chuyên gia kỹ thuật và có khả năng kinh doanh, đó là sự kết hợp giữa ba lĩnh vực quan trọng: quản lý, kỹ thuật và kinh doanh. Điều này đòi hỏi SV không chỉ có kiến thức vững về quản lý và kỹ thuật mà còn phải hiểu biết về các phương pháp kinh doanh và ứng dụng vào các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực QLCCU.

#### ***1.3.2. Yêu cầu đối với đào tạo theo tiếp cận năng lực***

Trong bối cảnh ngành Logistics và QLCCU đang trở thành một trong những ngành có tốc độ phát triển nhanh chóng, việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng và đáp ứng yêu cầu thị trường ngày càng trở nên then chốt. Để thực hiện điều này, các trường đại học đào tạo ngành Logistics và QLCCU cần nghiên cứu các yêu cầu đối với đào tạo theo TCNL. Trong đó trọng tâm phải được đặt vào việc phát triển kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm của sinh viên, từ quản lý kho, vận chuyển, phân tích chuỗi cung ứng, đến kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, và sáng tạo giải quyết vấn đề. Sự kết hợp giữa lý thuyết và tăng cường thực hành, thực nghiệm là yếu tố then chốt, yêu cầu các trường đại học cung cấp cơ hội thực tế, như thực tập và dự án thực tế, để SV có thể áp dụng kiến thức và phát triển kỹ năng thiết yếu trong môi trường thực thụ.

### **1.3.3. Năng lực của sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong đào tạo theo tiếp cận năng lực**

#### **1.3.3.1. Căn cứ xác định năng lực của sinh viên ngành Logistics và QLCCU**

- \* Thứ nhất, căn cứ vào quan điểm về cấu trúc năng lực.
- \* Thứ Hai, căn cứ theo các văn bản, quy định hiện hành.
- \* Thứ Ba, căn cứ theo yêu cầu xã hội đối với nhân lực ngành Logistics và QLCCU.

#### **1.3.3.2. Những năng lực cần phát triển cho SV ngành Logistics và QLCCU**

Dựa trên các căn cứ xác định năng lực của SV ngành Logistics và QLCCU, Luận án xác định cấu trúc năng lực thành phần của người học ngành Logistics và QLCCU gồm 4 nhóm năng lực cơ bản sau: (1). Năng lực học tập; (2). Năng lực nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; (3). Năng lực tương tác; (4). Năng lực cá thể.

### **1.3.4. Đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực dựa vào lý thuyết quá trình đào tạo**

#### **1.3.4.1. Lý thuyết về quá trình đào tạo**

Quá trình đào tạo là toàn bộ các hoạt động đào tạo trong mọi khoảng thời gian và môi trường nhất định (bao gồm cả những hoạt động trong và ngoài nhà trường) trong đó trọng tâm là hoạt động Day - Học với nhiều mối quan hệ bên trong và bên ngoài nhà trường.

#### **1.3.4.2. Các thành tố của quá trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực**

- \* Mục tiêu đào tạo:
- \* Chương trình đào tạo
- \* Hoạt động giảng dạy của giảng viên
- \* Hoạt động học tập của sinh viên
- \* Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên
- \* Cơ sở vật chất và điều kiện phục vụ cho đào tạo
- \* Hoạt động đánh giá kết quả quá trình đào tạo và triển khai các hoạt động sau khóa đào tạo

### **1.4. Quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực**

#### **1.4.1. Phân cấp trong quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

##### **1.4.1.1. Hiệu trưởng**

##### **1.4.1.2. Phòng Đào tạo và các phòng chức năng liên quan**

##### **1.4.1.3. Khoa chuyên ngành**

##### **1.4.1.4. Bộ môn**

##### **1.4.1.5. Mối liên hệ giữa các chủ thể quản lý**

#### **1.4.2. Nội dung quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực**

##### **1.4.2.1. Quản lý thực hiện mục tiêu đào tạo**

##### **1.4.2.2. Quản lý phát triển chương trình đào tạo**

##### **1.4.2.3. Quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên**

##### **1.4.2.4. Quản lý hoạt động học tập**

##### **1.4.2.5. Quản lý kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

##### **1.4.2.6. Quản lý cơ sở vật chất và điều kiện phục vụ cho đào tạo**

##### **1.4.2.7. Quản lý đánh giá kết quả quá trình đào tạo và triển khai các hoạt động sau khóa đào tạo**

### **1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tại các trường đại học theo tiếp cận năng lực**

- Bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội
- Chủ trương, chính sách của nhà nước về đào tạo đại học
- Tiến bộ khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế
- Sự sẵn sàng phối hợp của các doanh nghiệp Logistics trong hoạt động đào tạo của nhà trường
- Năng lực của GV, SV, CBQL các bộ phận liên quan đến hoạt động đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU
- Cơ sở vật chất và tài chính dành cho hoạt động đào tạo ngành Logistics và QLCCU theo tiếp cận năng lực

### **Kết luận Chương 1**

## **CHƯƠNG 2**

### **CƠ SỞ THỰC TIỄN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM**

#### **2.1. Kinh nghiệm quốc tế**

##### **2.1.1. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU**

###### *2.1.1.1. Hoa Kỳ*

###### *2.1.1.2. Đức*

###### *2.1.1.3. Hà Lan*

###### *2.1.1.4. Singapore*

###### *2.1.1.5. Úc*

##### **2.1.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam**

#### **2.2. Khái quát về hệ thống đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tại các trường đại học Việt Nam**

Năm 2017 đã đánh dấu bước ngoặt trong đào tạo trình độ đại học đối với lĩnh vực Logistics khi Bộ GD &ĐT ban hành Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 công bố Danh mục GD, đào tạo cấp IV trình độ đại học. Theo đó, ngành Logistics và QLCCU có mã ngành riêng là 7510605 thuộc nhóm ngành Quản lý công nghiệp (mã 75106). Thông tư này được thay thế bởi Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT được ban hành ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của GD đại học. Điều này đã thúc đẩy các cơ sở đào tạo trong cả nước xây dựng và phát triển CTĐT ngành Logistics và QLCCU ở bậc đại học. Do Logistics và QLCCU là một ngành dịch vụ đòi hỏi nguồn nhân lực lớn với nhiều loại trình độ do tính chất đặc điểm của ngành phức tạp, đa dạng.

#### **2.3. Giới thiệu về khảo sát thực trạng**

##### **2.3.1. Mục đích khảo sát**

##### **2.3.2. Đối tượng khảo sát**

**Bảng 2.1. Các trường đại học nghiên cứu thực trạng**

Trường Đại học	Năm thành lập	Tiền thân	Cơ quan chủ quản
Trường Đại học Công nghệ GTVT	2011	Cao đẳng công chính (1945) Cao đẳng GTVT (1996)	Bộ GTVT
Trường Đại học GTVT TPHCM	2001	Phân hiệu Đại học Hàng Hải (1991)	Bộ GTVT
Trường Đại học Công nghiệp HN	2005	Cao đẳng Công nghiệp (1999)	Bộ Công thương
Trường Đại học Điện lực	2006	Cao đẳng điện lực (2001)	Bộ Công thương
Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội	2014	Cao đẳng sư phạm Hà Nội (1959)	UBND TPHN

**2.3.3. Nội dung khảo sát****2.3.4. Phương pháp, công cụ khảo sát****2.3.5. Cách xử lý kết quả khảo sát**

Mức độ khoảng cách ĐTB được tính bằng công thức:

$$L = \frac{n-1}{n} = \frac{4-1}{4} = 0,75$$

Đánh giá điểm trung bình có trọng số (mean):

$$\bar{X} = \frac{\sum_{k=1}^n a_k x_k}{N}$$

Trong đó:  $x_1, x_2, \dots, x_n$  là  $n$  phần tử trong tập mẫu;  $a_i$  là trọng số của phần tử  $x_i$ .  $N$  là tổng số số lượng phần tử trong mẫu.

**Bảng 2.2. Bảng thang đo các mức độ đánh giá**

Mức độ đánh giá		Mức điểm	Điểm trung bình $\bar{X}$
Yếu	Không Ảnh hưởng	1	$1,0 < \text{ĐTB} \leq 1,75$
Trung bình	Ít Ảnh hưởng	2	$1,75 < \text{ĐTB} \leq 2,5$
Khá	Ảnh hưởng	3	$2,5 < \text{ĐTB} \leq 3,25$
Tốt	Rất Ảnh hưởng	4	$3,25 < \text{ĐTB} \leq 4,0$

**2.4. Thực trạng đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tại các trường đại học Việt Nam****2.4.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

Qua kết quả khảo sát thể hiện ở Bảng 2.3 trên cho thấy trong hoạt động thực hiện mục tiêu đào tạo, các trường đại học có đào tạo ngành Logistics và QLCCU đã thực hiện tốt quy trình thực hiện mục tiêu đào tạo. Ý kiến đánh giá của các đối tượng khảo sát bao gồm CBQL, GV là khá thống nhất.

**2.4.2. Thực trạng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

Theo Kết quả khảo sát tại Bảng 2.4: Khi xây dựng CTĐT ngành Logistics và QLCCU các trường đều căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển ngành Logistics và QLCCU tại trường mình, đều có khảo sát nhu cầu thực tế về nhân lực trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU.

Tuy nhiên CTĐT trình độ đại học hiện tại của ngành Logistics và QLCCU ở các trường đại học chưa thực sự thể hiện được tiếp cận đào tạo dựa theo năng lực, đòi hỏi phải được chỉnh sửa, đòi hỏi cần triển khai cơ chế phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong hoạt động thực hành, thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp nhằm tăng cường kỹ năng thực tế cho SV.

#### ***2.4.3. Thực trạng hoạt động dạy của giảng viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Kết quả khảo sát thể hiện tại Bảng 2.5 một lần nữa cho thấy đội ngũ GV tham gia giảng dạy ngành Logistics và QLCCU còn khá bất cập ở các nội dung phương pháp dạy học và tổ chức dạy học có liên quan đến vận dụng TCNL.

#### ***2.4.4. Thực trạng hoạt động học tập của sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Thực trạng hoạt động học của SV ngành Logistics và QLCCU được trình bày trong Bảng 2.6. Theo đó không có nội dung nào được các đối tượng khảo sát đánh giá thực hiện tốt.

#### ***2.4.5. Thực trạng đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Số liệu thu được từ khảo sát thực tế tại Bảng 2.7 cho thấy phản ánh thực tế nhận thức của CBQL và GV về kiểm tra-đánh giá theo TCNL còn thể hiện chưa sâu sắc nên đề thi và kiểm tra thiết kế theo giải quyết tình huống chưa được sử dụng phổ biến. Đây là hạn chế mà các trường đại học có đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU cần có giải pháp khắc phục ngay để đưa hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV theo xu thế đánh giá dựa theo năng lực người học.

#### ***2.4.6. Thực trạng cơ sở vật chất và điều kiện phục vụ cho đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Kết quả khảo sát tại Bảng 2.8 cho thấy nguyện vọng của GV và SV về hạ tầng công nghệ đào tạo và trang thiết bị phục vụ đào tạo thường cao trong khi các nguồn lực đáp ứng của nhà trường thì có hạn và bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Đây là một hạn chế mà lãnh đạo các trường đại học phải lưu ý để có giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Đối với hoạt động đào tạo ở các trường đại học thì học liệu phục vụ cho đào tạo được coi là phương tiện không thể thiếu được để SV sử dụng tự nghiên cứu và tiếp thu các kiến thức chuyên ngành. Về mức độ đáp ứng học liệu phục vụ cho đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU ở các trường đại học được thể hiện ở Bảng 2.9 cho thấy hệ thống học liệu phục vụ đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL chưa đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập theo TCNL.

#### ***2.4.7. Đánh giá chung thực trạng đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam***

### **2.5. Thực trạng quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học ở Việt Nam**

#### ***2.5.1. Thực trạng quản lý hoạt động xác định mục tiêu đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học ở Việt Nam***

Kết quả khảo sát Bảng 2.10 cho thấy mặc dù nhận thức được chủ trương đổi mới chuyên đào tạo từ truyền thụ kiến thức sang đào tạo theo TCNL nhưng các trường đại học còn lúng túng trong chỉ đạo và tổ chức triển khai vận dụng TCNL vào hoạt động thực hiện mục tiêu đào tạo. Điều này có thể dẫn đến mục tiêu đào tạo không phản ánh chính xác nhu cầu thực tế.

### ***2.5.2. Thực trạng quản lý phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Từ những phân tích khảo sát có thể thấy rằng các trường đại học đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU về cơ bản đáp ứng yêu cầu chung của quy chế đào tạo đại học, CTĐT được quản lý thống nhất toàn trường và được tổ chức rà soát, cập nhật định kỳ đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp. Tuy nhiên, khảo sát cũng chỉ ra rằng việc quản lý phát triển CTĐT trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL vẫn còn nhiều hạn chế như chưa thường xuyên điều chỉnh, rà soát, cải tiến CTĐT theo TCNL, nội dung chương trình còn mang tính hàn lâm, nặng về lý thuyết, việc triển khai áp dụng CTĐT theo TCNL còn lúng túng

### ***2.5.3. Thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Qua khảo sát Bảng 2.12 cho thấy, điểm yếu nhất trong quản lý hoạt động giảng dạy của GV đều thuộc về các nội dung có gắn với TCNL. Các đối tượng được khảo sát còn đánh giá hoạt động còn lại đạt loại Khá với điểm đánh giá trung bình  $\bar{X} = 2,38$  đến 3,17.

### ***2.5.4. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Kết quả khảo sát tại Bảng 2.13 cho thấy các nội dung quản lý hoạt động học tập của SV theo TCNL được đánh giá đạt loại Khá với điểm đánh giá trung bình  $\bar{X}$  nằm trong khoảng 2,56 - 3,14.

### ***2.5.5. Thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra-đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Ở các trường đại học được khảo sát, việc quản lý hoạt động kiểm tra-đánh giá kết quả học tập của SV theo TCNL về cơ bản vẫn chưa thực hiện được tốt, thể hiện qua Bảng 2.14. Có thể thấy rằng trong 4 nội dung quản lý hoạt động kiểm tra-đánh giá kết quả học tập của SV ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học ở Việt Nam theo TCNL đều được thực hiện ở mức Khá.

### ***2.5.6. Thực trạng quản lý cơ sở vật chất và điều kiện phục vụ cho đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

Kết quả khảo sát tại Bảng 2.15 cho thấy việc quản lý CSVC và phương tiện phục vụ cho quá trình dạy học ở các trường đại học có đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU được các đối tượng khảo sát đánh giá mới đạt mức trung bình và Khá.

Kết quả khảo sát tại Bảng 2.16 và Bảng 2.17 thể hiện một bức tranh chưa mấy khả quan về phương diện quản lý hạ tầng công nghệ và học liệu phục vụ đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học.

### ***2.5.7. Thực trạng quản lý hoạt động đánh giá kết quả quá trình đào tạo và triển khai các hoạt động sau khóa đào tạo***

#### ***2.5.7.1. Thực trạng quản lý hoạt động đánh giá kết quả quá trình đào tạo***

Qua nghiên cứu thực tế tại các trường đại học có đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU cho thấy việc quản lý đánh giá kết quả đầu ra và tốt nghiệp của SV được thực hiện Khá với điểm đánh giá trung bình  $\bar{X}$  nằm trong khoảng 2,80 - 2,97, thể hiện qua Bảng 2.18. Nhìn chung, theo đánh giá, hoạt động này đạt mức Khá với điểm trung bình ( $\bar{X}$ ) = 2,87.

#### ***2.5.7.2. Thực trạng quản lý thông tin về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học ở Việt Nam***

Kết quả khảo sát tại Bảng 2.19 chứng tỏ rằng lãnh đạo các trường đại học có đào tạo

trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU đã quan tâm đến hoạt động thu thập thông tin việc làm của SV tốt nghiệp.

#### **2.5.7.3. Quản lý thông tin về sự hài lòng của đơn vị sử dụng nhân lực ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học ở Việt Nam**

Số liệu khảo sát thể hiện tại Bảng 2.20 cho thấy rằng công tác quản lý thông tin về sự hài lòng của đơn vị sử dụng nhân lực ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học nhìn chung được thực hiện tốt hơn so với quản lý thông tin về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, với điểm đánh giá trung bình  $\bar{X}$  nằm trong khoảng 2,79 - 3,08.

### **2.6. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quản lý đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học Việt Nam**

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố chủ quan có ảnh hưởng rất lớn tới quản lý hoạt động đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL. Do vậy, các cấp quản lý tại các trường đại học hiện nay cần phải chú ý tới sự ảnh hưởng của các yếu tố này để có những biện pháp quản lý phù hợp và hiệu quả hơn trong tổ chức đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL ở trường mình.

### **2.7. Đánh giá chung về thực trạng quản lý đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học ở Việt Nam**

#### **2.7.1. Những mặt đạt được**

#### **2.7.2. Những mặt hạn chế**

#### **2.7.3. Nguyên nhân của các hạn chế**

### **Kết luận Chương 2**

## **CHƯƠNG 3**

# **GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM**

### **3.1. Nguyên tắc đề xuất giải pháp**

#### **3.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu đào tạo**

#### **3.1.2. Đảm bảo tính hệ thống**

#### **3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ**

#### **3.1.4. Đảm bảo tính kế thừa và phát triển**

#### **3.1.5. Đảm bảo tính hiệu quả**

#### **3.1.6. Đảm bảo tính khả thi**

### **3.2. Các giải pháp quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học Việt Nam**

#### **3.2.1. Tổ chức xây dựng khung năng lực của sinh viên trong đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

##### **3.2.1.1. Mục đích của giải pháp**

Việc xây dựng khung năng lực của SV ngành Logistics và QLCCU sẽ giúp cho các trường đại học có được một văn bản có tính pháp lý để làm cơ sở lựa chọn nội dung đào tạo, xác định phương pháp, hình thức tổ chức đào tạo và cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo người học theo TCNL.

##### **3.2.1.2. Nội dung của giải pháp**

Giải pháp “*Tổ chức xây dựng khung năng lực của SV ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học*” nhằm tới việc phác thảo bước đầu về Khung năng lực



của SV ngành Logistics và QLCCU. Qua nghiên cứu CTĐT ngành Logistics và QLCCU tại các trường đại học Việt Nam cho thấy nhiều trường đại học có đào tạo nhân lực Logistics nhưng chưa thực sự quan tâm nhiều đến xây dựng khung năng lực của SV ngành Logistics và QLCCU. Chính vì chưa xây dựng được Khung năng lực nên công tác tổ chức đào tạo chuyên ngành Logistics và QLCCU gặp nhiều khó khăn. Vì thế, nội dung giải pháp này chủ yếu là các trường đại học có đào tạo ngành Logistics và QLCCU tổ chức xây dựng khung năng lực SV ngành Logistics và QLCCU một cách bài bản, có cơ sở khoa học và gắn với thực tiễn.

### 3.2.1.3. Tổ chức thực hiện giải pháp

*Bước 1:* Lập kế hoạch biên soạn

*Bước 2:* Chỉ đạo phân tích mô tả vai trò, nhiệm vụ và xác định yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người học sau tốt nghiệp

*Bước 3:* Xác định Khung năng lực của SV ngành Logistics và QLCCU.

*Bước 4:* Trên cơ sở dự thảo Khung năng lực trình bày ở trên, Ban soạn thảo tổ chức tiến hành lấy ý kiến góp ý của chuyên gia, các đơn vị Doanh nghiệp Logistics về dự thảo Khung năng lực thông qua phiếu khảo sát.

*Bước 5:* Sau khi đã thu thập phiếu khảo sát, Ban soạn thảo tiến hành xử lý kết quả phiếu khảo sát và tổng hợp các ý kiến góp ý của các chuyên gia và doanh nghiệp Logistics. Trên cơ sở kết quả tổng hợp ý kiến góp ý này, Ban soạn thảo tiến hành điều chỉnh, hoàn thiện và trình Hiệu trưởng công bố khung năng lực của SV ngành Logistics và QLCCU theo TCNL.

### 3.2.1.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Sự thống nhất trong lãnh đạo Nhà trường: Sự thống nhất giữa Đảng ủy nhà trường, Hội đồng trường, và Ban giám hiệu không chỉ đảm bảo rằng mọi quyết định đều phản ánh mục tiêu chiến lược của trường, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn lực, từ tài chính đến nhân sự, để triển khai các kế hoạch một cách hiệu quả.

## 3.2.2. Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo hướng phát triển năng lực người học

### 3.2.2.1. Mục đích của giải pháp

Giải pháp này sẽ giúp gắn kết lý thuyết với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực nhân lực trong lĩnh vực Logistics.

### 3.2.2.2. Nội dung của giải pháp

Tiến hành khảo sát sâu rộng và phân tích dữ liệu: Đầu tiên, thông qua việc khảo sát và thu thập thông tin, cần hiểu rõ nhu cầu thực tế từ các doanh nghiệp về năng lực nhân lực trong lĩnh vực Logistics và QLCCU, không chỉ ở cấp độ kiến thức chuyên môn mà còn đòi hỏi phẩm chất cá nhân và kỹ năng mềm. Việc này đòi hỏi việc phân loại các yêu cầu, đặc biệt là những kỹ năng và kiến thức cốt lõi, dựa trên tầm quan trọng và mức độ cấp thiết để xác định các phần của CTĐT cần được ưu tiên cập nhật hoặc điều chỉnh.

### 3.2.2.3. Tổ chức thực hiện giải pháp

Xây dựng mục tiêu và các khối kiến thức, kỹ năng: Trong quá trình xây dựng và thực hiện phát triển CTĐT, Nhà trường sẽ tập trung vào việc mời góp ý và tham gia tích cực của các doanh nghiệp, từ việc xây dựng mục tiêu đào tạo cho đến việc phát triển nội dung chương trình. Mục tiêu là đảm bảo rằng CTĐT phản ánh đúng những kỹ năng và kiến thức cần thiết mà thị trường lao động đang tìm kiếm, đồng thời cung cấp cho SV các cơ hội thực tập, dự án thực tiễn, và các buổi nói chuyện từ những người có kinh nghiệm trong ngành.

#### 3.2.2.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Ban Giám hiệu của Nhà trường, đặc biệt là Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa chuyên môn, cần nhận thức đúng đắn về sự cần thiết và tầm quan trọng của việc đổi mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học trong ngành Logistics và QLCCU. Điều này nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao năng lực cho SV học tập.

#### 3.2.3. Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên về dạy học theo hướng phát triển năng lực người học

##### 3.2.3.1. Mục đích của giải pháp

Giải pháp *Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên về dạy học theo hướng phát triển năng lực người học* là nhằm chuẩn hóa đội ngũ GV tham gia giảng dạy chuyên ngành Logistics và QLCCU, giúp họ có năng lực dạy học theo TCNL, biết cách tích hợp giữa lý thuyết và thực hành theo chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu phát triển chuyên ngành Logistics và QLCCU, và từ đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của nhà trường.

##### 3.2.3.2. Nội dung của giải pháp

- Bồi dưỡng nâng cao tư tưởng, nhận thức chính trị của GV
- Bồi dưỡng năng lực chuyên ngành Logistics và QLCCU
- Bồi dưỡng năng lực nghiệp vụ sư phạm
- Bồi dưỡng năng lực phát triển và thực hiện CTĐT
- Bồi dưỡng năng lực quan hệ với doanh nghiệp
- Bồi dưỡng năng lực phát triển nghề nghiệp

##### 3.2.3.3. Tổ chức thực hiện giải pháp

Khảo sát và phân tích thực trạng đội ngũ GV: Lãnh đạo trường đã chỉ đạo tiến hành khảo sát và đánh giá đội ngũ GV hiện tại để xác định cơ cấu, số lượng và năng lực của họ. Điều này giúp hiểu rõ nhu cầu bồi dưỡng của từng cá nhân và tạo ra các nhóm nhu cầu bồi dưỡng phù hợp. Đồng thời, cần phân tích sức mạnh và yếu điểm của đội ngũ GV hiện tại, cũng như tìm hiểu rõ về tài nguyên và khả năng hỗ trợ của trường trong việc tổ chức bồi dưỡng. Bất cứ hoạt động bồi dưỡng nào cần phải thiết thực, chất lượng, hiệu quả và không ảnh hưởng đến kế hoạch giảng dạy hay nhiệm vụ đào tạo của trường.

##### 3.2.3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

- 1) Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo nhà trường
- 2) Tinh thần trách nhiệm, thái độ học tập của các GV
- 3) Các điều kiện CSVC, trang thiết bị, tài chính

#### 3.2.4. Tổ chức phát triển học liệu và ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

##### 3.2.4.1. Mục đích của giải pháp

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho SV tiếp cận nội dung học tập và môi trường học tập, đồng thời đảm bảo việc tăng cường năng lực nghề nghiệp, các trường đại học góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Logistics và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

##### 3.2.4.2. Nội dung của giải pháp

- Nâng cao chất lượng học liệu
- Tăng cường hạ tầng CNTT

- Phát triển học liệu đa dạng, tích hợp thực tiễn
- Thúc đẩy sự tham gia của SV trong quá trình biên soạn học liệu

#### 3.2.4.3. *Cách thức tổ chức thực hiện*

Chỉ đạo lập kế hoạch và đánh giá học liệu cùng cơ sở hạ tầng CNTT: Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận liên quan tiến hành rà soát và đánh giá học liệu cùng cơ sở hạ tầng CNTT, mục tiêu không chỉ là đảm bảo nâng cấp hiện đại và cập nhật, mà còn là tạo điều kiện cho SV phát triển năng lực theo hướng chuyên sâu. SV ngành Logistics và QLCCU cần được học tập trong môi trường năng động, có khả năng tiếp cận những công nghệ tiên tiến và học liệu phong phú để không chỉ hiểu lý thuyết mà còn có thể áp dụng linh hoạt vào thực tiễn. Sự đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng và học liệu có thể thúc đẩy khả năng sáng tạo và tư duy phản biện, qua đó giúp SV hình thành năng lực cần thiết cho sự nghiệp sau này.

#### 3.2.4.4. *Điều kiện thực hiện giải pháp*

Điều chỉnh và đổi mới phát triển CTĐT: Điều chỉnh và đổi mới phát triển CTĐT đã được thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội, ngành công nghiệp, và quan trọng nhất là nhằm tối ưu hóa khả năng học tập và phát triển cá nhân của SV. CTĐT được cập nhật thường xuyên không chỉ tập trung vào việc cung cấp kiến thức mà còn nhấn mạnh vào việc phát triển kỹ năng, tư duy phản biện, và khả năng sáng tạo. Điều này giúp SV không chỉ trang bị cho mình lý thuyết mà còn có thể áp dụng một cách linh hoạt trong thực tế, đặc biệt là trong lĩnh vực Logistics và QLCCU - ngành đòi hỏi sự đổi mới không ngừng và khả năng ứng biến nhanh chóng.

#### 3.2.5. ***Thiết lập cơ chế phối hợp giữa trường đại học với doanh nghiệp Logistics trong hoạt động thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp của sinh viên***

##### 3.2.5.1. *Mục đích giải pháp*

Hoạt động thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp của SV ngành Logistics và QLCCU có hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào trách nhiệm và nhiệt tình tham gia của các doanh nghiệp Logistics. Tuy nhiên, trách nhiệm phải được thể hiện bằng thỏa thuận mà trong đó xác định rõ cơ chế phối hợp giữa trường đại học và doanh nghiệp Logistics, bao gồm trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên cũng như điều kiện để phối hợp trong hoạt động thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp của SV. Đó là mục đích cần đạt tới của giải pháp này.

##### 3.2.5.2. *Nội dung giải pháp*

- Thực hiện hợp đồng phối hợp
- Chuẩn hóa quy trình thực tập
- Xác định chi phí và trách nhiệm hướng dẫn
- Rõ ràng hóa vai trò và trách nhiệm
- Tăng cường đánh giá và phản hồi
- Thúc đẩy sự chủ động và sáng tạo của SV

##### 3.2.5.3. *Cách thức thực hiện giải pháp*

- Lập kế hoạch phối hợp hướng dẫn SV thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp giữa nhà trường và doanh nghiệp Logistics. Trong đó, trường khoa chịu trách nhiệm soạn thảo kế hoạch, sau đó gửi dự thảo cho doanh nghiệp để lấy ý kiến. Kế hoạch sau khi hoàn thiện sẽ được cả hai bên ký ban hành.

- Kiểm tra, đánh giá kế hoạch đã thực hiện. Nhà trường sẽ kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực tập của SV, nhằm đảm bảo họ đã hoàn thành theo yêu cầu và đạt

được chuẩn đầu ra. Kiểm tra sẽ tập trung vào một số vấn đề chủ yếu như tính chuyên cần của SV, chương trình thực tập, trách nhiệm của người hướng dẫn, môi trường thực tập và tiến độ thực tập của SV.

#### **3.2.5.4. Điều kiện thực hiện giải pháp**

- Lãnh đạo nhà trường và doanh nghiệp Logistics cần nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc thiết lập cơ chế, kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp Logistics trong việc hướng dẫn SV thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp.

- Nhà trường phải bố trí kinh phí cho hoạt động thực hành, thực tập của SV.

### **3.2.6. Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi sau tốt nghiệp của sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

#### **3.2.6.1. Mục đích của giải pháp**

Mục đích của giải pháp này là nhằm tạo lập một cơ sở dữ liệu toàn diện và đáng tin cậy về tình hình việc làm SV sau khi tốt nghiệp cũng như sự hài lòng của các doanh nghiệp về chất lượng SV tốt nghiệp trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU, qua đó giúp các trường đại học bổ sung, điều chỉnh CTĐT và xây dựng mạng lưới đối tác và khách hàng tiềm năng của nhà trường.

#### **3.2.6.2. Nội dung của giải pháp**

- Tăng cường nhận thức và quan tâm từ lãnh đạo Nhà trường
- Thu thập thông tin đa chiều và minh bạch
- Phân tích và sử dụng thông tin một cách chiến lược
- Tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong thu thập dữ liệu

#### **3.2.6.3. Cách thức thực hiện giải pháp**

- củng cố và tăng cường hệ thống thông tin quản lý đào tạo bằng cách xây dựng trung tâm thông tin quản lý đào tạo mạnh thuộc Ban Giám hiệu.

- Dành nguồn lực đảm bảo tổ chức hiệu quả và cung cấp trang thiết bị hiện đại cho hệ thống quản lý thông tin giáo dục.

- Cải thiện CSVC kỹ thuật cho hệ thống thông tin về SV sau tốt nghiệp, với sự chú trọng vào việc tính toán xử lý, ẩn loát và truyền tin. Đồng thời, tăng cường đào tạo và nâng cao trình độ cho cán bộ thực hiện công tác thu thập và xử lý thông tin.

#### **3.2.6.4. Điều kiện thực hiện giải pháp**

- Sự quan tâm và chỉ đạo sát sao và thường xuyên của lãnh đạo nhà trường đối với các đơn vị trong nhà trường về vấn đề thu thập và phân tích tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp.

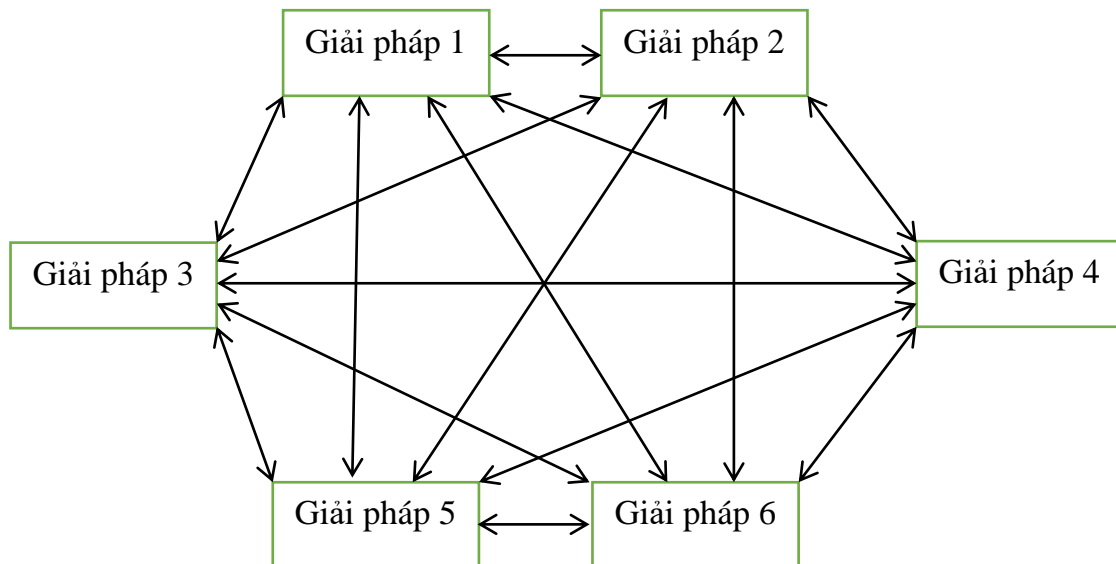
- Sự hợp tác của SV đã tốt nghiệp trong việc cung cấp thông tin về việc làm và đánh giá của mình về CTĐT của nhà trường.

- Lãnh đạo nhà trường phải có kế hoạch dài hạn, chi tiết về vấn đề xây dựng hệ thống thông tin về SV sau tốt nghiệp.

- Bố trí CSVC và tài chính đủ để triển khai hoạt động thu thập và phân tích thông tin về SV sau tốt nghiệp.

### **3.3. Mối quan hệ giữa các giải pháp và tính cấp thiết, tính khả thi của các giải pháp**

#### **3.3.1. Mối quan hệ giữa các giải pháp**



**Hình 3.1. Sơ đồ mối quan hệ giữa các giải pháp Quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường Đại học Việt Nam**

### 3.3.2. Đánh giá về tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp

- Mức độ cấp thiết của các giải pháp đề xuất:

**Bảng 3.3. Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính cần thiết của các giải pháp**

Các giải pháp	Mức độ cần thiết				Điểm TB	Thứ bậc
	Rất cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết		
<b><u>Giải pháp 1</u></b> Tổ chức xây dựng khung năng lực của SV trong đào tạo ngành Logistics và QLCCU	75	97	13	-	3,34	4
<b><u>Giải pháp 2:</u></b> Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo hướng phát triển năng lực người học	94	84	7	-	3,46	2
<b><u>Giải pháp 3:</u></b> Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ GV về dạy học theo hướng phát triển năng lực người học	138	37	10	-	3,68	1
<b><u>Giải pháp 4:</u></b> Tổ chức phát triển học liệu và ứng dụng CNTT phù hợp với đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU	88	75	22	-	3,35	3
<b><u>Giải pháp 5:</u></b> Thiết lập cơ chế phối hợp giữa trường đại học với doanh nghiệp Logistics trong hoạt động thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp của SV	73	90	16	6	3,24	6
<b><u>Giải pháp 6:</u></b> Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi sau tốt nghiệp của SV ngành Logistics và QLCCU	98	51	26	10	3,28	5

Dựa trên khảo sát từ CBQL và GV các trường đại học có chương trình đào tạo ngành Logistics và QLCCU, 6 giải pháp đề xuất trong luận án đều được coi là cần thiết.

- Mức độ khả thi của các giải pháp đề xuất:

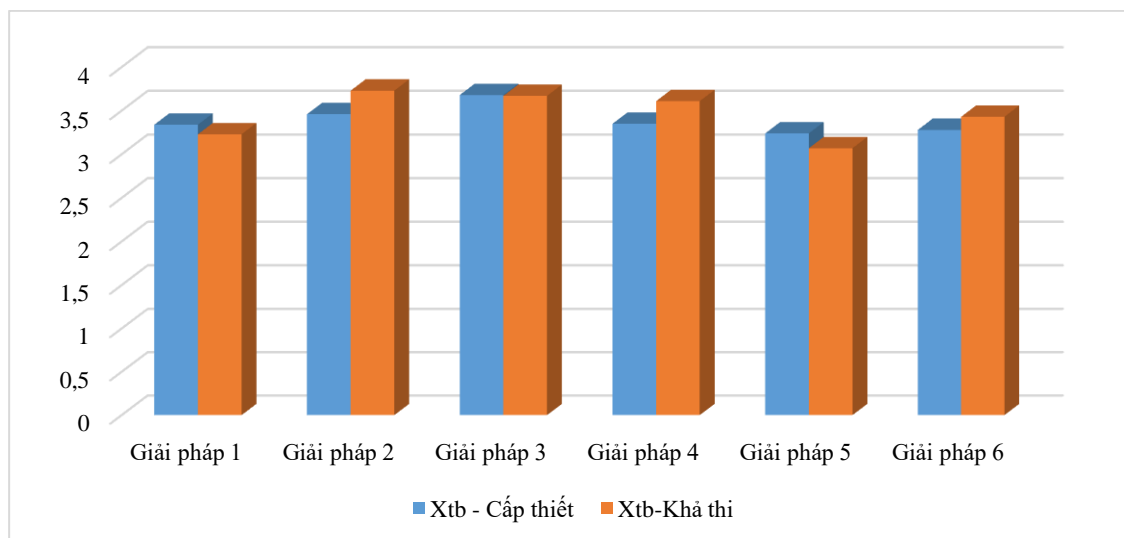
**Bảng 3.4. Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính khả thi của các giải pháp**

Các giải pháp	Mức độ khả thi				Điểm TB	Thứ bậc
	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi	Không khả thi		
<b><u>Giải pháp 1</u></b> Tổ chức xây dựng khung năng lực của SV trong đào tạo ngành Logistics và QLCCU	87	66	19	13	3,23	5
<b><u>Giải pháp 2:</u></b> Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo hướng phát triển năng lực người học	144	32	9	-	3,73	1
<b><u>Giải pháp 3:</u></b> Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ GV về dạy học theo hướng phát triển năng lực người học	131	47	7	-	3,67	2
<b><u>Giải pháp 4:</u></b> Tổ chức phát triển học liệu và ứng dụng CNTT phù hợp với đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU	118	61	6	-	3,61	3
<b><u>Giải pháp 5:</u></b> Thiết lập cơ chế phối hợp giữa trường đại học với doanh nghiệp Logistics trong hoạt động thực tập tốt nghiệp của SV	43	119	16	7	3,07	6
<b><u>Giải pháp 6:</u></b> Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi sau tốt nghiệp của SV ngành Logistics và QLCCU	98	72	11	4	3,43	4

Kết quả khảo sát từ các CBQL và GV xác nhận sự khả thi của 6 giải pháp đề xuất trong luận án được thể hiện trong Bảng 3.4.

\* So sánh kết quả khảo nghiệm về mức độ cấp thiết và mức độ khả thi của các giải pháp

**Hình 3.2. Sơ đồ so sánh mức độ cấp thiết và mức độ khả thi của các giải pháp**



Kết quả khảo nghiệm cho thấy, phần lớn số người được trưng cầu ý kiến đã tán thành với những giải pháp được nêu ra trong đề tài luận án này. Tất cả ý kiến đánh giá đều cho rằng là rất cấp thiết và rất khả thi, mặc dù ở số lượng, tỷ lệ và ở các mức độ khác

nhau. Điều này chứng tỏ các giải pháp chúng tôi đề xuất là phù hợp, đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại trường đại học thuộc địa bàn nghiên cứu.

### 3.4. Thử nghiệm giải pháp

#### 3.4.1. Khái quát về thử nghiệm

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, phân tích đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam, tác giả đã tiến hành đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp và chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết khoa học của đề tài. Để xác định tính hiệu quả, tác giả tiến hành thử nghiệm 01 giải pháp: *Thiết lập cơ chế phối hợp giữa trường đại học với doanh nghiệp Logistics trong hoạt động thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp của SV*

#### 3.4.2. Đánh giá kết quả thử nghiệm

**Bảng 3.5 Bảng so sánh điểm TBCTL của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng Đợt 1 trước khi thực tập**

Nhóm	Số lượng	Học lực			Rèn luyện
		A	B, B+	C, C+	
Nhóm thử nghiệm	3	1	1	1	3/3 Hạnh kiểm Tốt
Nhóm đối chứng	3		2	1	3/3 Hạnh kiểm Tốt

**Bảng 3.6. Bảng so sánh điểm TBCTL của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng Đợt 2 trước khi thực tập**

Nhóm	Số lượng	Học lực			Rèn luyện
		A	B, B+	C, C+	
Nhóm thử nghiệm	3		2	1	3/3 Hạnh kiểm Tốt
Nhóm đối chứng	3	1	1	1	3/3 Hạnh kiểm Tốt

*\* Kết quả thử nghiệm:*

+ Đợt thực tập 1: Nhóm thử nghiệm 03 SV tham gia có 02 SV đạt điểm A và 01 SV đạt điểm B trong cả 02 học phần. Trong khi đối với nhóm đối chứng chỉ 03 SV có kết quả thấp hơn.

**Bảng 3.8. Bảng so sánh Điểm TBC học phần của nhóm thử nghiệm và đối chứng Đợt 1 sau thử nghiệm**

Nhóm	Điểm TBC Học phần thực tập nghiệp vụ			Điểm TBC Học phần thực tập tốt nghiệp		
	A	B, B+	C, C+	A	B, B+	C, C+
Nhóm thử nghiệm	2	1		1	1	1
Nhóm đối chứng	2	1		1	2	

+ Đợt thực tập 2: Nhóm thử nghiệm 03 SV tham gia có 02 SV đạt điểm A và 01 SV đạt điểm B trong cả 02 học phần. Trong khi đối với nhóm đối chứng chỉ 03 SV có kết quả thấp hơn.

**Bảng 3.9: Bảng so sánh Điểm TBC học phần của nhóm thử nghiệm và đối chứng  
Đợt 2 sau thử nghiệm**

Nhóm	Điểm TBC Học phần thực tập nghiệp vụ			Điểm TBC Học phần thực tập tốt nghiệp		
	A	B, B+	C, C+	A	B, B+	C, C+
Nhóm thử nghiệm	1	2		1	2	
Nhóm đối chứng		2	1	1	1	1

Như vậy có thể thấy bằng những tác động tích cực vào quá trình đào tạo, kết quả đào tạo của nhóm thử nghiệm hiệu quả hơn nhiều so với nhóm đối chứng.

*- Về kết quả nhận xét đánh giá năng lực*

Kết quả lấy ý kiến đánh giá của các chuyên gia doanh nghiệp trực tiếp hướng dẫn SV thực tập về năng lực nghề nghiệp của 6 SV mỗi nhóm đã hoàn thành 02 đợt thực tập. Kết quả đánh giá thể hiện tại Bảng 3.10.

Từ số liệu tại Bảng 3.10 có thể thấy rằng sau đợt thực tập tại các doanh nghiệp, năng lực nghề nghiệp của SV về cơ bản đáp ứng yêu cầu, mặc dù trong số 12 SV (02 đợt) được đánh giá thì vẫn còn những kỹ năng chuyên biệt mới chỉ đáp ứng một phần, cụ thể như: Vận dụng kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu; Sử dụng các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp; Vận dụng kiến thức chuyên sâu về Logistics và QLCCU; Làm việc có kế hoạch và khoa học.

*- Về hiệu quả của cơ chế phối hợp*

Trên cơ sở phiếu khảo sát đã được xây dựng, tác giả luận án đã phát phiếu đến 30 CBQL, GV và cán bộ chuyên gia của doanh nghiệp tham gia trực tiếp hướng dẫn SV thực tập, kết quả trả lời thu được tại Bảng 3.11.

Số liệu khảo sát cho thấy dù về phương diện quản lý cơ chế phối hợp chưa thật sự hoàn hảo nhưng điều kiện thực tập và kết quả thực tập của SV là rất tốt. Điều này cho thấy nếu như có cơ chế phối hợp rõ ràng và hiệu quả được thiết lập giữa trường đại học có đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU với doanh nghiệp Logistics trong hướng dẫn thực tập của SV thì có tác động rất lớn đến nâng cao năng lực nghề nghiệp cho SV.

### **Kết luận Chương 3**

## **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, Logistics và QLCCU đã và đang trở thành lĩnh vực mũi nhọn thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên sự phát triển tăng trưởng của ngành này hiện nay đang đối diện với vấn đề khó khăn về nguồn nhân lực thiếu về số lượng và yếu về kỹ năng. Bên cạnh đó, chuỗi cung ứng ngày càng trở nên phức tạp với nhiều thay đổi liên tục, đòi hỏi nhân lực ngành Logistics phải có nhiều kỹ năng mới đáp ứng được yêu cầu. Để vượt qua thách thức này, việc đào tạo nhân lực trong lĩnh vực Logistics, đặc biệt là đào tạo trình độ đại học trong ngành Logistics và QLCCU, trở nên ngày càng cấp thiết hơn bao giờ hết. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng trên thế giới và ở Việt Nam đã có công trình nghiên cứu về quản lý đào tạo trình độ đại học trong ngành Logistics và QLCCU theo TCNL. Tuy nhiên, vấn đề quản lý đào tạo trình độ đại học trong lĩnh vực này ở các trường đại học Việt Nam vẫn chưa được nghiên cứu một cách toàn diện. Qua quá trình nghiên cứu, tác giả rút ra những kết luận sau:

Dựa trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, luận án đã đưa ra những kết quả chủ yếu mà các nghiên cứu trước đó đã đạt được, đồng thời chỉ ra



những vấn đề chưa được làm sáng tỏ hoặc chưa được đề cập, cần tiếp tục nghiên cứu. Luận án đã tạo dựng được khung lý thuyết, làm sáng tỏ thêm lý luận về đào tạo và quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam. Luận án đã áp dụng mô hình quản lý đào tạo theo quá trình và kết hợp với các chức năng quản lý để nghiên cứu quản lý đào tạo trình độ đại học trong ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo ngành Logistics và QLCCU cho thấy chất lượng hoạt động đào tạo ở các trường đại học trong lĩnh vực này chỉ ở mức trung bình khá, với những hạn chế về CSVC, học liệu và nguồn lực giảng dạy. Nhiều yếu tố quan trọng chưa được thực hiện tốt, các trường đều chưa thực sự chuyên hướng sang đào tạo theo TCNL người học. Nguyên nhân chủ yếu là quản lý đào tạo tại các trường chưa theo kịp cách thức đổi mới trong đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chưa đồng bộ và không nhận được sự quan tâm đáng kể, đặc biệt với ngành Logistics và QLCCU là một ngành đòi hỏi sự thay đổi liên tục.

Để khắc phục những hạn chế này, luận án đề xuất 6 giải pháp, bao gồm: *Tổ chức xây dựng khung năng lực của SV trong đào tạo ngành Logistics và QLCCU; Chỉ đạo và soát, điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo hướng phát triển năng lực người học; Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ GV về dạy học theo hướng phát triển năng lực người học; Tổ chức phát triển học liệu và ứng dụng CNTT phù hợp với đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU; Thiết lập cơ chế phối hợp giữa trường đại học với doanh nghiệp Logistics trong hoạt động thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp của SV; Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi sau tốt nghiệp của SV ngành Logistics và QLCCU.* Tác giả đã tổ chức khảo nghiệm một giải pháp tại trường đại học Công nghệ GTVT. Kết quả cho thấy giải pháp đề xuất có tính cấp thiết và khả thi cao. Với những kết quả đạt được, đây là những giải pháp có thể lựa chọn vào thực tiễn trong quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL tại các trường đại học Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Logistics.

## **2. Khuyến nghị**

### **2.1. Khuyến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nguồn nhân lực chất lượng cao là tiền đề cho sự phát triển của ngành Logistics Việt Nam trong thời kỳ hội nhập hiện nay. Để phát triển nguồn nhân lực cho ngành Logistics nước ta nhằm góp phần thúc đẩy ngành dịch vụ Logistics vượt qua khó khăn hiện nay, phát triển vững chắc và góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, khẳng định vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới cần triển khai một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, Bộ GD&ĐT cần có định hướng rõ ràng hơn cho các trường đại học trong việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện khi xây dựng, đánh giá CTĐT, phương án tuyển sinh, phương thức đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU trên cơ sở qui định của Luật GD đại học, nhưng đảm bảo có tính linh hoạt, mềm dẻo để tạo thuận lợi cho các trường đại học trong việc đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL trong các trường đại học Việt Nam.

*Thứ hai*, Bộ GD&ĐT cần chỉ đạo các trường đại học có đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU phối hợp với nhau tổ chức hội thảo về CTĐT trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU với mục đích thống nhất Chương trình khung và các giáo trình cơ bản được sử dụng trong đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU, tránh tình trạng các trường đại học tự phát xây dựng CTĐT và triển khai đào tạo theo khả năng sẵn có của nhà trường.

*Thứ ba*, Bộ GD&ĐT nên tổ chức và hướng dẫn việc phát triển hệ thống nguồn mở về tài liệu học phục vụ đào tạo các chuyên ngành đại học, bao gồm cả lĩnh vực Logistics và QLCCU, nhằm đảm bảo chuẩn mực về kiến thức chuyên môn và kỹ thuật. Đồng thời, việc xây dựng một hệ thống kho dữ liệu quốc gia sẽ giúp cung cấp nguồn bài giảng và tài liệu học điện tử đạt chuẩn quốc gia, từ đó tận dụng tài nguyên từ các trường đại học để đóng góp vào nguồn tài liệu chung của cả nước.

## **2.2. Khuyến nghị với các trường đại học đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU**

*Thứ nhất*, Hiệu trưởng nhà trường cần ban hành quy định tổ chức đào tạo trình độ đại học các ngành nói chung, trong đó có trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL. Quy định này mang tính pháp quy trong phạm vi nhà trường và yêu cầu bắt buộc các đơn vị và cá nhân phải chấp hành thực hiện nghiêm túc.

*Thứ hai*, tăng cường liên kết, hợp tác toàn diện, trao đổi thông tin với các trường đại học có đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU để thông qua đó thống nhất CTĐT, học tập kinh nghiệm tổ chức đào tạo và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo của trường mình.

*Thứ ba*, mở rộng phối hợp với các doanh nghiệp Logistics, đặc biệt là phối hợp đào tạo theo TCNL, tổ chức thực hành, thực tập cho SV ngành Logistics và QLCCU. Hoạt động phối hợp này phải được cụ thể hóa bằng các hợp đồng và kế hoạch thực hiện mang tính pháp lý để việc triển khai có hiệu lực và hiệu quả.

*Thứ tư*, thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về đổi mới quản lý, sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU, từ đó sẽ có được những thông tin hữu ích của các chuyên gia, nhà sử dụng lao động về nguồn nhân lực Logistics và QLCCU, làm căn cứ cho việc điều chỉnh CTĐT của nhà trường cho phù hợp với điều kiện thực tế của các doanh nghiệp Logistics.

*Thứ năm*, nhà trường cần có kế hoạch cụ thể về đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ phục vụ đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU, trang bị CSVC, các thiết bị dạy và học hiện đại để đảm bảo các hoạt động đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo TCNL trong nhà trường được thực hiện hiệu quả.

*Thứ sáu*, cần có chính sách tuyển chọn và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV giảng dạy trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU theo hướng tăng cường năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm để đội ngũ này hoàn thành nhiệm vụ đào tạo của mình.

*Thứ bảy*, từ chính sách định hướng của lãnh đạo nhà trường, các phòng, ban, Khoa, và Bộ môn cần chủ động, thay đổi từ ý thức làm việc đến cách thức tiếp cận, cụ thể: từ hoạt động thực hiện mục tiêu đào tạo theo TCNL, xác định những kỹ năng và kiến thức chính mà SV cần phải phát triển, thiết kế chương trình học linh hoạt để phản ánh mục tiêu, kết hợp lý thuyết với thực hành và tạo cơ hội cho sinh viên thực hiện các hoạt động thực tế như thực tập và dự án đến thay đổi hình thức đánh giá theo TCNL.

*Thứ tám*, GV giảng dạy trình độ đại học ngành Logistics và QLCCU trong các trường đại học cần ý thức rõ sự đổi mới trong GD, nhu cầu của xã hội trong đào tạo theo TCNL để không ngừng nâng cao trình độ, năng lực nghề nghiệp, từ đó nâng cao được chất lượng chuyên môn trong các hoạt động giảng dạy, phát triển CTĐT, nghiên cứu khoa học,.. đảm bảo cho hoạt động đào tạo theo đúng mục tiêu đề ra.

*Thứ chín*, SV ngành Logistics và QLCCU trong các trường đại học phải tự ý thức rõ vai trò của mình để từ đó học tập tu dưỡng và rèn luyện tốt nhằm đảm nhận được đầy đủ các vị trí và vai trò đã xác định trong lĩnh vực Logistics. Bản thân người SV ngành Logistics và QLCCU cần ý thức mình vừa là đối tượng được đào tạo nhưng đồng thời cũng là chủ thể của đào tạo để từ đó chủ động trong học tập.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Phạm Quang Dũng (2021), *Improving The Quality Of Logistics And Supply Chain Management Training According To The Business's Needs In Vietnamese Universities In The Context Of Industry 4.0*, Tạp chí Quản lý giáo dục Số 9A, tháng 9/2021, trang 263-268
2. Phạm Quang Dũng, Nguyễn Thị Dung (2021), *Chuyển đổi đào tạo nguồn nhân lực ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các trường đại học ở Việt Nam trong tình hình mới*, Tạp chí Quản lý giáo dục Số 11A, tháng 11/2021, trang 92-97.
3. Phạm Quang Dũng (2022), *Managing bachelors of Logistics*, International Journal of Health Sciences, 6(S4), 2685-2692.  
<https://doi.org/10.53730/ijhs.v6nS4.7794>
4. Phạm Quang Dũng (2022), *Thực trạng quản lý đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí Quản lý giáo dục 9/2022, Vol 14, No9, pp 80-85
5. Phạm Quang Dũng (2023), *Đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng theo tiếp cận năng lực trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Thiết bị giáo dục 5/2023, Số Đặc biệt, trang 85-87.
6. Phạm Quang Dũng, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thị Thu Huyền (2023), *Improving the Quality of the Logistics and Supply Chain Management Faculty According to a Competency - Based Approach at Vietnamese Universities*, East African Scholars Journal of Education, Humanities and Literature, Vol 6, Issue 11, 548-554.
7. Phạm Quang Dũng (2023), *Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng theo khung năng lực*, Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục 12/2023, Số 04(40), trang 60-69.